ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 161 /BC-UBND	*Thanh Hóa, ngày 16 tháng 11 năm 2018*

BÁO CÁO
Tình hình thực hiện cải cách hành chính năm 2018; phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm năm 2019

I. CÔNG TÁC TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

1. Công tác chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính

Trong năm 2018, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh đã chỉ đạo triển khai thực hiện đồng bộ cả 6 nội dung cải cách hành chính theo tinh thần Nghị quyết 30c/NQ-CP ngày 08/11/2011 của Chính phủ:

1.1. Triển khai thực hiện có hiệu quả các Kế hoạch năm 2018 về công tác cải cách hành chính: Kế hoạch cải cách hành chính, Kế hoạch Kiểm soát thủ tục hành chính, Kế hoạch áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của UBND các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước tỉnh Thanh Hóa, Kế hoạch kiểm tra thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính năm 2018[1]....

1.2. Ban hành Kế hoạch số 110/KH-UBND ngày 25/5/2018 triển khai thực hiện Quyết định số 53/QĐ-BCĐCCHC ngày 13/02/2018 của Trưởng Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ và Thông báo số 78/TB-VPCP ngày 27/02/2018 của Văn phòng Chính phủ; Quyết định số 2804/QĐ-UBND ngày 24/7/2018 về việc thành lập Tổ công tác kiểm tra, đôn đốc thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính tại các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố năm 2018.

1.3. Thành lập Ban Chỉ đạo xây dựng Chính quyền điện tử tỉnh Thanh Hóa trên cơ sở kiện toàn Ban Chỉ đạo ứng dụng công nghệ thông tin tỉnh Thanh Hóa.

1.4. Triển khai Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 10/NQ-CP ngày 03/02/2018 của Chính phủ và Kế hoạch số 73-KH/TU ngày 30/01/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về một số vấn đề tiếp

---

[1] – Quyết định số 4532/QĐ-UBND ngày 24/11/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch cải cách hành chính năm 2018.
- Kế hoạch số 09/KH-UBND ngày 12/01/2018 Chủ tịch UBND tỉnh về kiểm soát thủ tục hành chính năm 2018.
- Quyết định số 4982/QĐ-UBND ngày 23/12/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2016 - 2020.
- Quyết định số 2660/QĐ-UBND ngày 26/7/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của UBND các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa năm 2018.
- Quyết định số 1074/QĐ-UBND ngày 28/3/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước tỉnh Thanh Hóa năm 2018.
- Kế hoạch số 168/KH-UBND ngày 14/9/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh.

tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả[2].

1.5. Ban hành Chỉ thị số 18/CT-UBND ngày 26/9/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc tập trung chỉ đạo, cải thiện và nâng cao Chỉ số cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; triển khai thực hiện Thông báo số 383/TB-VPCP ngày 01/10/2018 của Văn phòng Chính phủ về kết luận của Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ Trương Hòa Bình tại Hội nghị trực tuyến về nâng cao chất lượng giải quyết thủ tục hành chính[3].

1.6. Tiếp tục thực hiện rà soát để cắt giảm các giấy tờ không cần thiết, cắt giảm 30% thời gian giải quyết các thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của người dân, doanh nghiệp; thực hiện tốt quy định công khai kết quả giải quyết thủ tục hành chính, công khai xin lỗi trong giải quyết thủ tục hành chính cho người dân, tổ chức; tổ chức thực hiện đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh.

1.7. Tiếp tục triển khai tiếp nhận, giải quyết, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích trên địa bàn tỉnh; Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Thanh Hóa, Phiên bản 1.0; Đề án Xây dựng Chính quyền điện tử và phát triển các dịch vụ thành phố thông minh tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2017 - 2020; cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và mức độ 4 theo kế hoạch đã được xây dựng.

1.8. Triển khai thực hiện Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính[4].

1.9. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính trong việc thực hiện nhiệm vụ, sử dụng thời gian làm việc trong giờ hành chính và quy định về những việc cán bộ, công chức, viên chức không được làm.

2. Về kiểm tra công tác cải cách hành chính

Trong năm, công tác kiểm tra cải cách hành chính được thực hiện trên cơ sở Kế hoạch số 168/KH-UBND ngày 14/9/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh và Kế hoạch số 22/KH-SNV ngày 15/01/2018 của Sở Nội vụ:

- Số đơn vị được kiểm tra theo 02 kế hoạch gồm: 28 đơn vị[5];

- Số đơn vị đã kiểm tra tính đến tháng 10/2018: 15 đơn vị[6].

---

[2] Kế hoạch số 76/KH-UBND ngày 05/4/2018 của UBND tỉnh.

[3] Công văn số 12908/UBND-KSTTHCNC ngày 17/10/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh.

[4] – Công văn số 7955/UBND-KSTTHCNC ngày 06/7/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh.

- Quyết định số 3342/QĐ-UBND ngày 05/9/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

[5] Cụ thể: 09 Sở, ngành (Văn hóa Thể thao và Du lịch, Y tế, Giao thông vận tải, Giáo dục và Đào tạo, Xây dựng, Lao động - Thương binh và Xã hội, Kế hoạch và Đầu tư, Khoa học và Công nghệ, Tài chính) và các đơn vị trực thuộc; 17 huyện, thị xã, thành phố (Thường Xuân, Ngọc Lặc, Như Thanh, Quan Sơn, Bá Thước, Lang Chánh, Sầm Sơn, Quan Hóa, Bỉm Sơn, Quảng Xương, Vĩnh Lộc, Mường Lát, Yên Định, Hà Trung, Nga Sơn, Thọ Xuân, Triệu Sơn).

[6] 02 sở: Xây dựng, Văn hóa Thể thao và Du lịch; 08 huyện: Ngọc Lặc, Thường Xuân, Quảng Xương, Lang Chánh, Quan Sơn, Bá Thước, thị xã Bỉm Sơn, thành phố Sầm Sơn.

Từ kết quả kiểm tra thực tế tại các đơn vị, Đoàn kiểm tra đã chỉ ra những tồn tại, hạn chế phát hiện qua kiểm tra đồng thời gửi thông báo đến các đơn vị được kiểm tra; yêu cầu chấn chỉnh, khắc phục những tồn tại, hạn chế, báo cáo kết quả về Sở Nội vụ để tổng hợp báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh.

3. Về công tác tuyên truyền cải cách hành chính

Công tác tuyên truyền cải cách hành chính được tích cực triển khai với các nội dung đa dạng, phong phú. Các hình thức tuyên truyền chủ yếu:

- Viết bài đăng trên các báo của ngành, địa phương; trang thông tin điện tử của các sở, ban, ngành; Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh mở chuyên mục cải cách hành chính phát sóng 02 buổi trong tháng; Đài truyền thanh cấp huyện, cấp xã thường xuyên đưa tin....

- Sở Tư pháp đã ký kết với Hội liên hiệp Phụ nữ tỉnh phối hợp trong công tác PBGDPL, trợ giúp pháp lý, tư vấn pháp luật, hòa giải ở cơ sở và lồng ghép giới trong xây dựng pháp luật giai đoạn 2018 - 2022; ký kết với Đài phát thanh và Truyền hình tỉnh, Báo Thanh Hóa, Báo Văn hóa đời sống trong công tác tuyên truyền PBGDPL giai đoạn 2018 - 2020. Trong năm 2018, các báo, đài đã đăng 37 tin, bài, 12 phóng sự trên chuyên mục nhà nước và pháp luật. Phối hợp với Ban Dân tộc tỉnh, Bộ chỉ huy bộ đội biên phòng tổ chức 10 hội nghị tuyên truyền PBGDPL; phối hợp với UBND các huyện, thị xã tổ chức 15 hội nghị PBGDPL cho 3.500 đại biểu là hòa giải viên, báo cáo viên, tuyên truyền viên và cán bộ nòng cốt ở cơ sở.... Phối hợp với Đài phát thanh và Truyền hình tỉnh xây dựng 120 câu hỏi trắc nghiệm và tình huống để đưa vào chương trình truyền hình "Âm vang xứ thanh"; 120 câu hỏi đưa vào chương trình "Nhà nông tài giỏi"....

- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy phối hợp với các đơn vị tổ chức Hội thảo khoa học với chủ đề "Nhận diện và đề xuất giải pháp chủ yếu nhằm hạn chế những yếu tố tâm lý xã hội ảnh hưởng không tốt đến sự phát triển bền vững của tỉnh Thanh Hóa" trong đó có nội dung liên quan đến cải cách hành chính.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

1. Cải cách thể chế

1.1. Việc xây dựng, hoàn thiện hệ thống thể chế, cơ chế, chính sách về các lĩnh vực quản lý nhà nước thuộc thẩm quyền của địa phương:

- UBND tỉnh đã ban hành 30 văn bản quy phạm pháp luật (QPPL): Quy chế phối hợp quản lý nhà nước về cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh; Tiêu chí, điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận và công bố xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2018 -2020; Quy định việc thực hiện trình tự, thủ tục quyết định chủ trương đầu tư; chấp thuận địa điểm đầu tư; giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh; Quy định trình tự, thủ tục đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng trên địa bàn tỉnh; Quy định về việc thực hiện chính sách xã hội hóa giáo dục mầm non tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030 theo Nghị quyết số 82/2017/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 của HĐND tỉnh; phân công, phân cấp trách nhiệm về quản lý chất thải rắn xây dựng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa....

- Sở Tư pháp đã tham gia thẩm định 100% văn bản QPPL trình HĐND, UBND tỉnh ban hành, đảm bảo kịp thời, chất lượng, khả thi khi thực hiện. Tham gia ý kiến 21 dự thảo văn bản của Trung ương; thẩm định 193 dự thảo văn bản. Các văn bản thẩm định và tham gia ý kiến được chú trọng về thẩm quyền ban hành, nội dung, tính khả thi của văn bản; nhập vào cơ sở dữ liệu văn bản QPPL quốc gia 73 văn bản.

1.2. Công tác kiểm tra, rà soát văn bản QPPL:

- Sở Tư pháp phối hợp với Văn phòng UBND tỉnh kiểm tra 1.207 văn bản; kiểm tra theo thẩm quyền 78 văn bản QPPL của các huyện, thị xã, thành phố. Kết quả, các văn bản được kiểm tra đảm bảo về thể thức, căn cứ, thẩm quyền và nội dung phù hợp quy định của pháp luật. Kiểm tra 44.392 văn bản (127 Nghị quyết, 54 Chỉ thị, 32.266 Quyết định do UBND, Chủ tịch UBND huyện ban hành và 11.945 văn bản hành chính) tại các huyện: Thiệu Hóa, Thạch Thành, Vĩnh Lộc.

- Công tác rà soát văn bản quy phạm pháp luật được thực hiện theo Kế hoạch số 42/KH-UBND ngày 26/02/2018 của UBND tỉnh về việc hệ thống hóa hệ thống văn bản QPPL trên địa bàn tỉnh. Theo đó, các lĩnh vực được ưu tiên rà soát trong năm gồm: rà soát các quy định của pháp luật liên quan đến việc tiếp cận đất đai của người dân và doanh nghiệp để thực hiện các dự án đầu tư, sản xuất kinh doanh; rà soát các Luật, Pháp lệnh, Nghị quyết cần sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới để triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 6.

- Công tác rà soát văn bản QPPL trên địa bàn tỉnh đã được các sở, ngành và UBND các cấp thực hiện thường xuyên. Công tác xử lý các văn bản hết hiệu lực, trái pháp luật, mâu thuẫn, chồng chéo hoặc không còn phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội được phát hiện thông qua rà soát đã được chú trọng thực hiện.

1.3. Về tổ chức thực hiện văn bản QPPL:

- Tổ chức Hội nghị trực tuyến để quán triệt, triển khai các văn bản pháp luật mới như: Luật Quy hoạch, Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước, Luật Thủy sản, Luật Lâm nghiệp cho hơn 1.000 cán bộ chủ chốt các ngành, các cấp tại 28 điểm cầu trên địa bàn tỉnh. Sở Tư pháp đã tổ chức bồi dưỡng nghiệp vụ về xây dựng, ban hành, kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL cho cán bộ, công chức các phòng chuyên môn của UBND cấp huyện, Chủ tịch, Phó Chủ tịch và công chức Tư pháp - Hộ tịch cấp xã trên địa bàn 11 huyện miền núi của tỉnh.

- Triển khai Kế hoạch số 21/KH-UBND ngày 24/01/2018 về theo dõi tình hình thi hành pháp luật năm 2018; Kế hoạch số 82/KH-UBND ngày 17/4/2018 về theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong lĩnh vực lý lịch tư pháp; Quyết định số 1459/QĐ-UBND ngày 23/4/2018 về việc thành lập Đoàn kiểm tra liên ngành theo dõi tình hình thi hành pháp luật về điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực Tài nguyên và Môi trường, Y tế, Lao động - Thương binh và Xã hội và việc sắp xếp các trường mầm non, tiểu học, THCS, THPT có nhiều cấp học trên địa bàn tỉnh.

2. Cải cách thủ tục hành chính

2.1. Về công tác kiểm soát thủ tục hành chính (TTHC):

- Về tình hình, kết quả công bố TTHC: Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành 55 quyết định công bố, bao gồm: 46 quyết định công bố danh mục TTHC với 797

TTHC và 479 TTHC bị bãi bỏ; 09 quyết định công bố TTHC, trong đó 25 TTHC mới ban hành, 03 TTHC sửa đổi, bổ sung và 12 TTHC bị bãi bỏ.

- Về tình hình, kết quả nhập dữ liệu về quy định TTHC: Văn phòng UBND tỉnh đã tích hợp và nhập dữ liệu 825 TTHC, không công khai 489 TTHC vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC.

- Đã tiếp nhận 02 phản ánh, kiến nghị: 01 phản ánh kiến nghị qua điện thoại của cá nhân trong lĩnh vực đất đai, đã phân loại, xử lý và chuyển đến cơ quan có thẩm quyền, đến nay, phản ánh, kiến nghị đã được giải quyết và báo cáo kết quả xử lý; tiếp nhận 01 phản ánh kiến nghị (do Văn phòng Chính phủ chuyển về trên hệ thống doanhnghiep.chinhphu.vn và tại Công văn số 770/PC-VPCP ngày 28/5/2018) trong lĩnh vực đường bộ, Sở Giao thông Vận tải đã báo cáo kết quả xử lý phản ánh, kiến nghị tại Công văn số 2077/SGTVT-QLVT ngày 21/6/2018 gửi doanh nghiệp và báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh.

- Về rà soát, đơn giản hóa TTHC: Thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch Kiểm soát TTHC năm 2018 của Chủ tịch UBND tỉnh, có 08 sở, ban, ngành cấp tỉnh tiến hành rà soát, đánh giá thủ tục hành chính. Đến nay, các đơn vị đã hoàn thành kết quả rà soát đánh giá TTHC với tổng số 18 TTHC (trong đó có 01 nhóm gồm 03 TTHC và 15 TTHC đơn lẻ). Trên cơ sở báo cáo kết quả rà soát, đánh giá của các đơn vị, Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành 08 quyết định về việc thông qua Phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính và phê duyệt các báo cáo về tình hình, kết quả rà soát, đánh giá thủ tục hành chính gửi các Bộ, cơ quan ngang Bộ quản lý ngành, lĩnh vực để đề nghị xem xét, xử lý theo phạm vi, chức năng quản lý, đồng thời gửi Văn phòng Chính phủ để báo cáo. Đối với phương án đơn giản hóa thuộc thẩm quyền quản lý của UBND tỉnh Thanh Hóa, Chủ tịch UBND tỉnh đã giao nhiệm vụ cho cơ quan chủ trì phối hợp với các sở, ban, ngành có liên quan dự thảo văn bản thực thi phương án đơn giản hóa[7].

2.2. Tình hình thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông:

- Thực hiện Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành kế hoạch để triển khai thực hiện, trên cơ sở kế hoạch, các ngành, các cấp đã triển khai thực hiện theo kế hoạch và duy trì thực hiện hiệu quả cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh, UBND cấp huyện và UBND cấp xã song song với việc thực hiện Quy định công khai kết quả giải quyết thủ tục hành chính, công khai xin lỗi trong

---

[7] Kết quả chung như sau:
- Tổng số văn bản đã rà soát: 71 văn bản (trong đó, số văn bản kiến nghị sửa đổi là 18 văn bản gồm: 01 Luật, 06 Nghị định, 10 Thông tư, 01 Quyết định của Bộ trưởng); Đề nghị ban hành mới: 01 văn bản thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh.
- Tổng số thủ tục hành chính đã rà soát, đánh giá: 18 TTHC (trong đó: giữ nguyên: 02 TTHC; sửa đổi, bổ sung: 16 TTHC; ban hành mới: 0 TTHC).
- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính:
+ Tổng chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 9.337.040.195 đồng/năm.
+ Tổng chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 7.302.086.045 đồng/năm.
+ Tổng chi phí tiết kiệm: 2.034.954.150 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí sau đơn giản hóa: 21,8 % (vượt chỉ tiêu: 1,8 %).

giải quyết thủ tục hành chính để nâng cao sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh.

- Phần mềm một cửa điện tử hỗ trợ giải quyết TTHC đã được triển khai và đưa vào sử dụng tại 20/27 UBND cấp huyện (74%) và 231 UBND cấp xã (36,4%) trên địa bàn tỉnh.

- Qua tổng hợp số liệu của 27 huyện và 19 sở, ban, ngành cấp tỉnh, kết quả giải quyết TTHC như sau:

Tổng số hồ sơ tiếp nhận là 1.836.171 hồ sơ. Trong đó:

+ Số tiếp nhận trực tuyến: 4.164 hồ sơ, chỉ đạt gần 0,0022% tổng số hồ sơ đã tiếp nhận.

+ Số mới tiếp nhận trực tiếp: 1.770.754 hồ sơ.

+ Số mới tiếp nhận qua bưu chính công ích: 52.530 hồ sơ.

+ Số kỳ trước chuyển qua là: 8.723 hồ sơ.

- Số hồ sơ đã giải quyết, đã trả kết quả 1.815.402 hồ sơ. Trong đó:

+ Số hồ sơ đã giải quyết trả đúng thời hạn: 1.812.587 hồ sơ, chiếm tỷ lệ: 99,80% hồ sơ đã trả kết quả.

+ Số hồ sơ đã giải quyết trả quá hạn: 2.815 hồ sơ.

+ Số hồ sơ đã trả kết quả qua bưu chính công ích: 279.210 hồ sơ.

- Số hồ sơ đang giải quyết 20.769 hồ sơ. Trong đó:

+ Số hồ sơ đang giải quyết chưa đến hạn: 20.556 hồ sơ.

+ Số hồ sơ đang giải quyết đã quá hạn: 213 hồ sơ.

3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính

- Tiếp tục triển khai thực hiện hiệu quả Quy định về phân công, phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, biên chế và cán bộ, công chức, viên chức thuộc UBND tỉnh Thanh Hóa quản lý; rà soát chức năng, nhiệm vụ của các ngành, các cấp theo phân cấp, đảm bảo nguyên tắc trách nhiệm, không chồng chéo, bỏ sót chức năng, nhiệm vụ.

- Tiếp tục thực hiện việc rà soát, sắp xếp tổ chức bộ máy cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp: thành lập Viện Nông nghiệp Thanh Hóa theo Quyết định số 664/QĐ-TTg ngày 30/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ; sắp xếp, tổ chức lại 44 đơn vị sự nghiệp công lập (Trung tâm giáo dục Thường xuyên, Trung tâm giáo dục thường xuyên và dạy nghề, Trung tâm Kỹ thuật tổng hợp hướng nghiệp, Trung tâm dạy nghề, trường Trung cấp nghề) trực thuộc UBND các huyện, thị xã, thành phố thành 27 Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên, giảm 17 đơn vị; Chuyển giao chức năng, nhiệm vụ của phòng Kiểm soát thủ tục hành chính thuộc Sở Tư pháp về Văn phòng UBND tỉnh; Quyết định phê duyệt số lượng, danh sách cán bộ, giáo viên, viên chức, người lao động, học sinh của Trường Cao đẳng Thể dục, Thể thao chuyển giao cho Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Trung tâm Huấn luyện và thi đấu thể dục, thể thao thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch[8]; Quyết định điều chuyển học sinh là vận động viên năng khiếu bộ môn

[8] Quyết định số 2475/QĐ-UBND ngày 28/6/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh.

bóng bàn, quần vợt và giáo viên, viên chức, lao động có liên quan từ Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch cho Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu Thể dục Thể thao trực thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch[9].

- Triển khai thực hiện Hướng dẫn số 17-HD/BTCTW ngày 05/10/2018 của Ban Tổ chức Trung ương thực hiện hợp nhất các cơ quan tham mưu, giúp việc của đảng ủy với các cơ quan chuyên môn có chức năng, nhiệm vụ tương đồng của doanh nghiệp theo Quy định số 69-QĐ/TW của Ban Bí thư khóa XII[10].

- Triển khai Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 08/NQ-CP ngày 24/01/2018 của Chính phủ và Kế hoạch số 102-KH-TU ngày 23/7/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập[11]....

4. Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức

4.1. Thực hiện quy định về chính sách tinh giản biên chế theo Nghị định 108/2014/NĐ-CP của Chính phủ và Kế hoạch số 14-KH/TU ngày 07/4/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành các quyết định phê duyệt số lượng và dự toán kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế đợt 1 và đợt 2 năm 2018. Trong đó, đợt 1 và đợt 2 thực hiện tinh giản biên chế đối với 418 người (gồm: Khối hành chính: 123 người; khối sự nghiệp: 284 người; khối Đảng: 11 người); tiếp tục triển khai thực hiện Kế hoạch tinh giản biên chế đến năm 2021 của các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố theo Quyết định số 4162/QĐ-UBND ngày 01/11/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh.

4.2. Triển khai thực hiện đồng bộ các quy định liên quan đến quản lý đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; xử lý, khắc phục những trường hợp bổ nhiệm, tuyển dụng, chuyển ngạch sai quy định.

4.3. Thực hiện Quy định về hỗ trợ kinh phí đối với cán bộ, công chức, viên chức được cử đi đào tạo và thưởng khi được công nhận, bổ nhiệm chức danh Giáo sư, Phó Giáo sư theo Nghị quyết số 36/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND tỉnh; Quy định tuyển dụng viên chức cho các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa[12].

4.4. Triển khai các quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt dự toán kinh phí tổ chức thực hiện nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực tỉnh Thanh Hóa năm 2018[13].

4.5. Tiếp tục triển khai rà soát, sắp xếp bố trí đúng vị trí việc làm và chức danh nghề nghiệp đối với cán bộ, công chức, viên chức theo quy định tại các Thông tư hướng dẫn của Bộ Nội vụ và các Bộ quản lý chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành.

---

[9] Quyết định số 3056/QĐ-UBND ngày 14/8/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh.
[10] Công văn số 13554/UBND-THKH ngày 29/10/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh.
[11] Kế hoạch số 165/KH-UBND ngày 12/9/2018 của UBND tỉnh.
[12] Quyết định số 505/2017/QĐ-UBND ngày 17/02/2017; Quyết định số 1942/2017/QĐ-UBND ngày 07/6/2017 của UBND tỉnh.
[13] Quyết định số 1095/QĐ-UBND ngày 30/3/2018; Quyết định số 3060/QĐ-UBND ngày 14/8/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh.

4.6. Thực hiện quản lý biên chế hành chính, sự nghiệp:

- Biên chế công chức hành chính năm 2018 được HĐND tỉnh giao bằng số được Bộ Nội vụ giao là 4.084 (giảm 69 biên chế, tương ứng với giảm 1,68% so với năm 2017); thực hiện đến ngày 31/10/2018 là 3.526 biên chế, thấp hơn 524; cụ thể:

+ Biên chế công chức cấp tỉnh: 1.768, thấp hơn 362.

+ Biên chế công chức cấp huyện: 1758, thấp hơn 162.

- Biên chế sự nghiệp năm 2018 được HĐND tỉnh giao bằng số được Bộ Nội vụ thẩm định là 59.508 (giảm 945 biên chế, tương ứng với giảm 1,56% so với năm 2017); thực hiện đến ngày 31/10/2018 là 55.844, thấp hơn 3.664; cụ thể:

+ Biên chế sự nghiệp giáo dục, đào tạo: Số giao 49.919; thực hiện 46.416, thấp hơn số được giao 3.503.

+ Biên chế sự nghiệp y tế: Số giao 7.339; thực hiện 7.299, thấp hơn số được giao 40.

+ Biên chế sự nghiệp văn hóa thông tin, thể thao: Số giao 1.008; thực hiện 961, thấp hơn số được giao 47.

+ Biên chế sự nghiệp khác (Lĩnh vực: Tài nguyên và Môi trường, dịch vụ, nông nghiệp): Số giao 1.251; thực hiện 1.168, thấp hơn số được giao 83.

+ Biên chế các Hội đặc thù ở cấp tỉnh: Số giao 76, thực hiện 69.

- Đến nay, tổng số công chức cấp xã toàn tỉnh hiện có 6.935 người; tổng số cán bộ cấp xã toàn tỉnh hiện có 6.317 người; trong đó:

+ Chất lượng cán bộ cấp xã: Số người có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ: Thạc sĩ 53 người (0,82%), đại học 2.648 người (41%), cao đẳng 322 người (5%), trung cấp 2.600 người (40,3%), sơ cấp 210 người (3,21%), chưa qua đào tạo 613 người (9,5%); Trình độ lý luận chính trị: Cử nhân 18 người (0,28%), cao cấp 198 người (3,1%), trung cấp 5.619 người (87,2%), sơ cấp 249 người (3,81%), chưa qua đào tạo 362 người (5,6%).

+ Chất lượng công chức cấp xã: Số người có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ: Thạc sỹ 32 người (0,45%), đại học 4.360 người (61,5%), cao đẳng 338 người (4,8%), trung cấp 2.304 người (32,5%), chưa qua đào tạo 34 người (0,48%); trình độ lý luận chính trị: Cử nhân 03 người (0,04%), cao cấp 18 người (0,25%), trung cấp 3.312 người (46,8%), sơ cấp 892 người (12,6%), chưa qua đào tạo 4.225 người (40,3%). Tỷ lệ công chức cấp xã đạt chuẩn theo quy định xấp xỉ đạt 100%.

5. Cải cách tài chính công

- Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm theo quy định tại Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013, Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015, Nghị định số 54/2016/NĐ-CP ngày 14/6/2016 và Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ, nhằm phát huy được vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị và từng tập thể, cá nhân trong việc khai thác các nguồn lực, tiết kiệm kinh phí để nâng cao thu nhập cho cán bộ, công chức, viên chức.

- Phê duyệt Đề án thực hiện cơ chế tự chủ tại các bệnh viện công lập thuộc tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2018 - 2020 để triển khai thực hiện theo lộ trình đã được đưa ra[14].

- Giao quyền tự chủ tài chính cho đơn vị sự nghiệp công lập được thành lập năm 2017 đối với 06 đơn vị (đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên có 04 đơn vị; đơn vị sự nghiệp công lập do nhà nước bảo đảm chi thường xuyên có 02 đơn vị)[15].

- Tiếp tục thực hiện tốt các quyết định liên quan đến phân cấp quản lý ngân sách ở địa phương như: Phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, tỷ lệ phần trăm (%) phân chia nguồn thu giữa các cấp ngân sách địa phương giai đoạn 2017 - 2020; ban hành định mức phân bổ chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2017 và ổn định đến năm 2020; ban hành định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí thuộc thẩm quyền của HĐND tỉnh....[16].

6. Hiện đại hóa nền hành chính

6.1. Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước tại địa phương:

- Hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin trong các cơ quan nhà nước của tỉnh tiếp tục được duy trì, đầu tư bổ sung hoàn thiện. 100% các cơ quan hành chính nhà nước cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã đều đã có mạng nội bộ được kết nối Internet.

- Hệ thống các phần mềm đang được áp dụng trong hoạt động của các cơ quan nhà nước gồm: Phần mềm Quản lý văn bản và Hồ sơ công việc đã được triển khai tại 100% các sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND cấp huyện và 427/635 UBND cấp xã (đạt 67,2%); phần mềm một cửa điện tử cho Trung tâm Phục vụ Hành chính công cấp tỉnh và 01 phần mềm một cửa điện tử dùng chung cho Bộ phận Một cửa cấp huyện, cấp xã; phần mềm theo dõi thực hiện nhiệm vụ.

- Hệ thống hội nghị giao ban trực tuyến được đầu tư các trang thiết bị: bổ sung, đầu tư mới các trang thiết bị tại 31 điểm cầu (với 03 điểm cầu Trung tâm đặt tại Văn phòng Tỉnh ủy, Văn phòng UBND tỉnh và Sở Thông tin và Truyền thông).

- Cổng/trang thông tin điện tử của các cơ quan nhà nước của tỉnh, huyện tiếp tục được được cập nhật, duy trì, đảm bảo an toàn an ninh thông tin; 520 UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh (đạt 81,8%) đã có trang thông tin điện tử. Ngoài ra Cổng thông tin thương mại doanh nghiệp tỉnh Thanh Hóa (http://www.thanhhoaportal.vn/) được duy trì, cập nhật thường xuyên, hỗ trợ tốt cho các doanh nghiệp của tỉnh quảng cáo, giới thiệu sản phẩm, trao đổi thông tin giữa các doanh nghiệp tham gia.

- Tình hình cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4.

+ Số lượng dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 hiện có: 45.

+ Số lượng dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 hiện có phát sinh hồ sơ: 34.

+ Số hồ sơ tiếp nhận, giải quyết dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4: 792.

---

[14] Quyết định số 2782/QĐ-UBND ngày 23/7/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh.

[15] Quyết định số 348/QĐ-UBND ngày 24/01/2018 của UBND tỉnh.

[16] Quyết định số 4761/2016/QĐ-UBND ngày 09/12/2016; Quyết định số 4762/2016/QĐ-UBND ngày 09/12/2016; Quyết định số 4764/2016/QĐ-UBND ngày 09/12/2016.

6.2. Về áp dụng ISO trong hoạt động của cơ quan hành chính:

- Tiếp tục thực hiện hiệu quả các Kế hoạch triển khai áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước. Đồng thời đã áp dụng đối với 67 đơn vị cấp xã trong năm 2018[17].

- Đến nay trên địa bàn tỉnh có 203 cơ quan, đơn vị áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2008 (66 cơ quan thuộc diện bắt buộc; 01 đơn vị sự nghiệp công lập và 136 đơn vị UBND cấp xã).

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Những hạn chế, bất cập

- Công tác tuyên truyền để người dân, doanh nghiệp nộp hồ sơ, đăng ký nhận kết quả giải quyết TTHC trực tuyến hoặc dịch vụ bưu chính công ích còn hạn chế nên hồ sơ phát sinh hình thức này không nhiều.

- Phần mềm Một cửa điện tử trang bị cho các đơn vị trong quá trình sử dụng vẫn còn phát sinh nhiều lỗi cần phải khắc phục.

- Hoạt động của bộ phận một cửa ở một số đơn vị cấp xã chưa đáp ứng yêu cầu; việc thực hiện liên thông giữa các cấp hành chính còn có nhiều hạn chế, nhất là liên thông giữa sở, ngành với các cơ quan ngành dọc đóng trên địa bàn.

- Trong quá trình thực hiện TTHC, cán bộ, công chức được phân công thực hiện TTHC chưa kịp thời phát hiện, kiến nghị với cơ quan, người có thẩm quyền để sửa đổi, bổ sung, thay đổi hoặc hủy bỏ, bãi bỏ các quy định về TTHC không phù hợp, thiếu khả thi để tổng hợp báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh.

- Nội dung trang thông tin điện tử của một số đơn vị còn thiếu thông tin, chưa đa dạng về nội dung và cập nhật kịp thời, thường xuyên.

- Số đơn vị cấp xã áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2008 mới có 136/635 xã.

2. Nguyên nhân

- Nhiều Bộ, ngành Trung ương khi công bố TTHC, trong đó có TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của địa phương nhưng chưa kịp thời gửi cho các sở, ban, ngành địa phương để kịp thời tham mưu cho Chủ tịch UBND tỉnh công bố.

- Công tác chỉ đạo, điều hành về cải cách hành chính tại một số đơn vị, địa phương còn chưa nghiêm, chưa triệt để.

- Việc tiếp cận dịch vụ hành chính của tổ chức, công dân còn hạn chế do không tìm hiểu kỹ, nắm vững trình tự giải quyết, thành phần hồ sơ trước khi nộp hồ sơ tại cơ quan hành chính nhà nước. Khi có nhu cầu giải quyết TTHC công dân hoặc doanh nghiệp chưa sử dụng đến quyền phản ánh kiến nghị đối với việc giải quyết chậm.

- Tổ chức, công dân vẫn còn thói quen nộp hồ sơ giải quyết TTHC trực tiếp tại cơ quan giải quyết TTHC mà chưa quan tâm, tìm hiểu việc tiếp nhận hồ sơ qua

---

[17] Quyết định số 2024/QĐ-UBND ngày 13/6/2016; Quyết định số 2660/QĐ-UBND ngày 26/7/2017; Quyết định số 2419/QĐ-UBND ngày 26/6/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh.

đường bưu chính công ích và qua dịch vụ công trực tuyến do các cơ quan hành chính nhà nước cung cấp.

- Việc bố trí kinh phí để thực hiện công tác cải cách hành chính ở các cơ quan, đơn vị chưa được quan tâm đúng mức.

- Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ tại bộ phận Một cửa của một số UBND cấp xã còn nhiều khó khăn.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ NĂM 2019

1. Cải cách thể chế

1.1. Tập trung rà soát, sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ, bãi bỏ, ban hành mới các văn bản QPPL phù hợp với quy định của Trung ương, đảm bảo đúng tiến độ, đồng bộ, khả thi, đáp ứng yêu cầu thực tiễn trong quản lý điều hành của tỉnh.

1.2. Tiếp tục thực hiện quy định của Chính phủ về phân cấp quản lý, trong đó tăng cường việc phân cấp cho cấp huyện, cấp xã, ủy quyền cho các cơ quan chuyên môn thực hiện các nhiệm vụ thuộc thẩm quyền UBND tỉnh quản lý nhằm làm rõ trách trách nhiệm, thẩm quyền của từng cá nhân, các cơ quan, đơn vị trong thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước.

1.3. Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL. Tập trung xây dựng Kế hoạch rà soát văn bản QPPL theo chuyên đề, lĩnh vực liên quan đến việc phân cấp quản lý; quyền, nghĩa vụ của tổ chức, người dân, doanh nghiệp; thực hiện nhiệm vụ hệ thống hóa các văn bản QPPL; kịp thời kiến nghị sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ các văn bản trái pháp luật, đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp.

1.4. Xây dựng, hoàn thiện hệ thống cơ chế, chính sách nhằm hỗ trợ, tạo điều kiện thu hút nhà đầu tư vào tỉnh; tạo điều kiện để các doanh nghiệp tiếp cận, sử dụng có hiệu quả nguồn lực và tài nguyên phục vụ phát triển kinh tế - xã hội; khuyến khích, tạo điều kiện để các thành phần kinh tế tham gia cung ứng dịch vụ trong môi trường cạnh tranh bình đẳng, lành mạnh trên địa bàn tỉnh.

2. Cải cách TTHC

2.1. Thực hiện đầy đủ kịp thời việc công bố, niêm yết, công khai TTHC theo thẩm quyền. Trong đó tập trung thực hiện công bố danh mục TTHC ngay sau khi có quyết định công bố của các bộ, ngành Trung ương.

2.2. Triển khai thực hiện thông báo kết quả giải quyết TTHC qua hệ thống tin nhắn tự động, mạng zalo cho người dân, tổ chức.

2.3. Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh; duy trì và thực hiện có hiệu quả việc tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện, cấp xã.

2.4. Tập trung thực hiện có hiệu quả Kế hoạch triển khai Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa (ban hành kèm theo Quyết định số 3342/QĐ-UBND ngày 05/9/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh); Chỉ thị số 18/CT-UBND ngày 26/9/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc tập

trung chỉ đạo, cải thiện và nâng cao Chỉ số cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

2.5. Thực hiện công khai kết quả giải quyết TTHC, công khai xin lỗi trong giải quyết TTHC; thực hiện nghiêm việc xử lý trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm liên đới đối với người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị để xảy ra việc cán bộ, công chức, viên chức thuộc quyền quản lý trực tiếp có hành vi gây khó khăn, phiền hà, sách nhiễu trong giải quyết TTHC cho người dân, tổ chức.

2.6. Tổ chức thực hiện tốt công tác tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết ở cả 3 cấp trên địa bàn tỉnh theo quy định.

3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước

3.1. Triển khai có hiệu quả Kế hoạch số 76/KH-UBND ngày 05/4/2018 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Nghị quyết số 10/NQ-CP ngày 03/02/2018 của Chính phủ và Kế hoạch số 73-KH/TU ngày 30/01/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ 6 Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về một số vấn đề tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

3.2. Tiếp tục triển khai thực hiện việc xây dựng Đề án sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp công lập theo Kế hoạch số 165/KH-UBND ngày 12/9/2018 của UBND tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 08/NQ-CP ngày 24/01/2018 của Chính phủ và Kế hoạch số 102-KH/TU ngày 23/7/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập.

3.3. Thực hiện kiểm tra, đánh giá định kỳ đối với các nhiệm vụ quản lý nhà nước đã phân cấp cho cấp huyện, cấp xã theo tinh thần Nghị quyết số 21/NQ-CP ngày 21/3/2016 của Chính phủ về phân cấp quản lý nhà nước giữa Chính phủ và UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

3.4. Khảo sát, đánh giá mức độ hài lòng của người dân, tổ chức đối việc giải quyết TTHC của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh.

3.5. Kiểm tra, đánh giá tình hình tổ chức và hoạt động của các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, cấp huyện.

4. Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức

4.1. Triển khai thực hiện việc bố trí công chức, viên chức theo vị trí việc làm được phê duyệt.

4.2. Thực hiện việc tuyển dụng công chức tại các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã và viên chức tại các đơn vị sự nghiệp công lập; tổ chức thi nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức đảm bảo đúng quy định.

4.3. Rà soát sửa đổi, bổ sung các quy định về quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, điều động, luân chuyển, bổ nhiệm, miễn nhiệm, cho thôi giữ chức, đình chỉ chức

vụ, khen thưởng, kỷ luật... và thực hiện chính sách đối với cán bộ thuộc thẩm quyền quản lý.

4.4. Xây dựng Phương án đổi mới cơ chế, phương thức tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức (bao gồm cả cán bộ quản lý) theo hướng tổ chức thi tuyển cạnh tranh, công khai, minh bạch; chính sách thu hút nhân tài, thu hút đội ngũ viên chức có chuyên môn, nghiệp vụ giỏi vào làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập; kế hoạch đào tạo lại, hỗ trợ thích hợp đối với viên chức và người lao động dôi dư do sáp nhập, giải thể hoặc chuyển thành đơn vị sự nghiệp ngoài công lập.

4.5. Đổi mới công tác thống kê, báo cáo và quản lý hồ sơ công chức, viên chức thông qua phần mềm quản lý.

4.6. Xây dựng, phê duyệt Đề án nâng cao chất lượng, chuẩn hóa trình độ chuyên môn, lý luận chính trị đối với cán bộ cấp xã trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

4.7. Tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát việc chấp hành pháp luật về quản lý biên chế, cán bộ, công chức, viên chức; việc thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính và đạo đức công vụ của cán bộ, công chức, viên chức.

5. Cải cách tài chính công

5.1. Rà soát, đề nghị cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung các cơ chế, chính sách của tỉnh phù hợp với quy định của pháp luật để tạo điều kiện đẩy mạnh cung ứng dịch vụ sự nghiệp công theo cơ chế thị trường và thúc đẩy xã hội hóa trong việc cung cấp các dịch vụ sự nghiệp công; đẩy mạnh việc chuyển đổi các đơn vị sự nghiệp công lập sang mô hình tự chủ hoàn toàn cả về chi đầu tư, chi thường xuyên, thực hiện quản lý, kế toán theo mô hình doanh nghiệp. Các đơn vị được nhà nước giao vốn, tài sản để thực hiện cung cấp dịch vụ sự nghiệp công, từng bước tính đủ chi phí đầu vào (kể cả khấu hao) để xác định giá dịch vụ. Các đơn vị đã bảo đảm chi đầu tư và chi thường xuyên được quyền quyết định số lượng người làm việc, tiền lương theo kết quả hoạt động, được nhà nước hỗ trợ về thuế, phí để tăng cường năng lực tài chính và khả năng tự cân đối.

5.2. Nghiên cứu sửa đổi, bổ sung các quy định về phân bổ ngân sách chi thường xuyên đối với các cơ quan, đơn vị, tổ chức trong hệ thống chính trị của tỉnh theo hướng gắn với nhiệm vụ được giao và sản phẩm đầu ra.

5.3. Thực hiện tiết kiệm, hiệu quả các khoản chi tài chính khu vực công thông qua việc chuyển đổi mô hình và phương thức hoạt động của các đơn vị sự nghiệp theo hướng giảm dần việc hỗ trợ từ ngân sách nhà nước.

5.4. Rà soát, hoàn thiện các quy định của tỉnh về cơ chế tự chủ đối với các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc các ngành, lĩnh vực trên cơ sở mức độ tự chủ về tài chính, tăng cường phân cấp và tăng tính chủ động cho các đơn vị sự nghiệp công lập theo đúng quy định hiện hành của pháp luật.

5.5. Triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án giao quyền tự chủ cho các bệnh viện công lập theo Quyết định số 2782/QĐ-UBND ngày 23/7/2017 của UBND tỉnh.

6. Hiện đại hóa hành chính nhà nước

6.1. Tiếp tục triển khai có hiệu quả Kế hoạch ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin trong các cơ quan nhà nước tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2016 - 2020;

Đề án Xây dựng Chính quyền điện tử và phát triển các dịch vụ thành phố thông minh tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2017 - 2020; triển khai, duy trì Kiến trúc Chính quyền điện tử theo đúng quy định của Chính phủ.

6.2. Tham mưu xây dựng và triển khai Đề án phát triển một số sản phẩm công nghệ thông tin mũi nhọn của tỉnh áp dụng trong quản lý nhà nước theo Kế hoạch số 164/KH-UBND ngày 25/9/2017 của UBND tỉnh về thực hiện Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 04/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường năng lực tiếp cận cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4.

6.3. Rà soát, xây dựng, nâng cấp các phần mềm kết nối liên thông giữa các cơ quan hành chính nhà nước, đặc biệt phần mềm hỗ trợ giải quyết TTHC nhằm thực hiện cung cấp dịch vụ công mức độ 3, mức độ 4 và phục vụ việc theo dõi, kiểm tra, giám sát việc giải quyết TTHC.

6.4. Hoàn thành việc thực hiện kết nối liên thông các phần mềm quản lý văn bản đến 100% UBND cấp xã.

6.5. Tiếp tục tuyên truyền và đẩy mạnh việc triển khai cung cấp, tiếp nhận, giải quyết, xử lý hồ sơ TTHC trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 theo Quyết định số 877/QĐ-TTg ngày 18/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ, đảm bảo đến hết năm 2019, số TTHC thực hiện cung cấp dịch vụ công mức độ 3, 4 có phát sinh hồ sơ đạt từ 75% trở lên; số hồ sơ được xử lý mức độ 3 đạt từ 30% trở lên và số hồ sơ được xử lý mức độ 4 đạt từ 20% trở lên; 70% TTHC đã triển khai có phát sinh hồ sơ và được tiếp nhận hoặc trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích.

6.6. Tiếp tục thực hiện xây dựng, áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của UBND các xã, phường, thị trấn và đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh. Trong năm triển khai đối với 50% UBND cấp xã thuộc các đơn vị: thành phố Thanh Hóa, thành phố Sầm Sơn, các huyện Yên Định, Hoằng Hóa, Tĩnh Gia, Thọ Xuân, Ngọc Lặc, Cẩm Thủy./.

Nơi nhận:
- Bộ Nội vụ (để b/c);
- HĐND tỉnh (để b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lưu: VT, THKH.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Thị Thìn